

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-ST

Ngày: 31/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Công Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T**; tên gọi khác: Không, sinh năm 1997, tại tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Ngọc T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Chưa có vợ, Tiền án; Tiền sự: không.

Bị cáo bị từ ngày 19/12/2024 đến 27/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/12/2024 cho đến nay. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Nguyễn Quỳnh A - sinh năm 1992; Địa chỉ: Phố P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt)

- Anh Ngô Trường G - sinh năm 1992; Địa chỉ: Phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

Chị Nguyễn Thùy D - sinh năm 1990; Địa chỉ: Phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn H1 - sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

Anh Trương Trần H2 - sinh năm 1995; Địa chỉ: Phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

Anh Đặng Quang H3 - sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc T là người không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng theo quy định, tuy nhiên T đã cho nhiều người vay tiền với suất cao từ 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 255,5%/năm (vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự) để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Người vay chị Nguyễn Quỳnh A sinh năm 1992, trú tại phố P, thị trấn N, huyện N

Ngày 09/8/2023, do có nhu cầu vay tiền nên chị Nguyễn Quỳnh A đã hỏi Nguyễn Ngọc T vay số tiền 20.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 255,5%/năm của khoản tiền vay. Đến ngày 31/10/2024, T và chị Quỳnh A thỏa thuận dừng việc trả lãi. Kể từ ngày 09/8/2023 đến ngày 31/10/2024, chị Quỳnh A đã trả cho T 450 ngày tiền lãi là 63.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 4.931.507 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 58.068.493 đồng. Đến nay chị Quỳnh A chưa trả tiền gốc 20.000.000 đồng cho T.

2. Người vay anh Ngô Trường G sinh năm 1992, trú tại phố H, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- Ngày 08/8/2023, do có nhu cầu vay tiền nên anh Ngô Trường G1 đã hỏi Nguyễn Ngọc T vay số tiền 10.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Từ ngày 08/8/2023 đến ngày 06/10/2023, anh G1 đã trả số tiền lãi

của 60 ngày là 3.000.000 cho T, trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 328.767 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

- Ngày 06/10/2023, do tiếp tục có nhu cầu vay tiền nên ngoài số tiền 10.000.000 đồng của khoản vay trước anh Ngô Trường G đã vay thêm của Nguyễn Ngọc T số tiền 5.000.000 đồng thành khoản vay 15.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Từ ngày 06/10/2023 đến ngày 29/10/2023, anh G đã trả số tiền lãi của 24 ngày là 1.800.000 đồng cho T, trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 197.260 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 1.602.740 đồng.

- Ngày 29/10/2023, do tiếp tục có nhu cầu vay tiền nên ngoài số tiền 15.000.000 đồng của khoản vay trước anh Ngô Trường G đã vay thêm của Nguyễn Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng thành khoản vay 25.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 6.400 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 233,6%/năm của khoản tiền vay. Từ ngày 29/10/2023 đến ngày 06/9/2024, anh G đã trả số tiền lãi của 313 ngày là 50.080.000 cho T, trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 4.287.671 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 45.792.329 đồng.

- Ngày 05/9/2024, do tiếp tục có nhu cầu vay tiền nên ngoài số tiền 25.000.000 đồng của khoản vay trước anh Ngô Trường G đã vay thêm của Nguyễn Ngọc T số tiền 5.000.000 đồng thành khoản vay 30.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 219%/năm của khoản tiền vay. Đến ngày 25/11/2024, T và anh G thỏa thuận dừng việc trả lãi. Kể từ ngày 05/9/2024 đến ngày 25/11/2024, anh G đã trả cho T 82 ngày tiền lãi là 14.760.000 đồng, trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 1.347.945 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 13.412.055 đồng. Đến nay anh G chưa trả số tiền gốc 30.000.000 đồng cho T.

Tổng số tiền gốc mà Nguyễn Ngọc T cho anh Ngô Trường G vay là 30.000.000 đồng, thu lãi tổng số tiền 69.640.000 đồng, trong đó số tiền lãi T được hưởng theo quy định của pháp luật dân sự là 6.161.643 đồng, tổng số tiền mà T đã thu lợi bất chính là 63.478.357 đồng. Đến nay anh Ngô Trường G chưa trả 30.000.000 đồng tiền gốc cho T.

3. Người vay chị Nguyễn Thùy D sinh năm 1990, trú tại phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- Ngày 13/8/2024, do có nhu cầu vay tiền nên chị Nguyễn Thùy D đã hỏi Nguyễn Ngọc T vay số tiền 30.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất bắt đầu tính lãi suất từ ngày 14/8/2024 với mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương

ứng với mức lãi suất 146%/năm của khoản tiền vay. Từ ngày 14/8/2024 đến ngày 01/12/2024, chị D đã trả số tiền gốc vay 30.000.000 đồng và số tiền lãi của 110 ngày là 13.200.000 đồng cho T, trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 1.808.219 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 11.391.781 đồng.

- Ngày 25/8/2024, chị Nguyễn Thùy D tiếp tục vay của Nguyễn Ngọc T số tiền 30.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 146%/năm của khoản tiền vay. Từ ngày 25/8/2024 đến ngày 01/12/2024, chị D đã trả số tiền gốc vay 30.000.000 đồng và số tiền lãi của 90 ngày là 10.800.000 đồng cho T. Trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 1.479.452 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 9.320.548 đồng.

Tổng số tiền gốc mà Nguyễn Ngọc T đã cho chị Nguyễn Thùy D vay là 60.000.000 đồng, đã thu lãi tổng số tiền là 24.000.000 đồng, trong đó lãi suất mà T được hưởng theo quy định của pháp luật dân sự là 3.278.671 đồng, tổng số tiền mà T đã thu lợi bất chính là 20.712.329 đồng.

4. Người vay anh Đặng Quang H3, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình

- Ngày 10/8/2023, do có nhu cầu vay tiền nên anh Đặng Quang H3 đã hỏi Nguyễn Ngọc T vay số tiền 10.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Từ ngày 10/8/2023 đến ngày 18/9/2023, anh H3 đã trả số tiền gốc vay 10.000.000 đồng và số tiền lãi của 40 ngày vay là 2.000.000 cho T. Trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 219.178 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Ngày 25/6/2024, anh Đặng Quang H3 tiếp tục vay của Nguyễn Ngọc T số tiền 10.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Từ ngày 25/6/2024 đến ngày 14/7/2024, anh H3 đã trả số tiền gốc vay 10.000.000 đồng và số tiền lãi 1.000.000 cho T. Trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 109.589 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 890.411 đồng.

Tổng số tiền gốc mà Nguyễn Ngọc T cho anh Đặng Quang H3 vay là 20.000.000 đồng, đã thu lãi tổng số tiền là 3.000.000 đồng, trong đó lãi suất mà T được hưởng theo quy định của pháp luật dân sự là 328.767 đồng, tổng số tiền mà T đã thu lợi bất chính là 2.671.233 đồng.

5. Người vay anh Nguyễn Văn H1 sinh năm 1995, trú tại thôn T, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Ngày 25/11/2024, do có nhu cầu vay tiền nên anh Nguyễn Văn H1 đã hỏi Nguyễn Ngọc T vay số tiền 10.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Ngày 18/12/2024, anh H1 đã trả số tiền gốc vay 10.000.000 đồng và trả trước số tiền lãi đến ngày 24/12/2024 là 30 ngày vay tương đương 1.500.000 đồng. Trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 164.383 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 1.335.617 đồng.

6. Người vay anh Trương Trần H2 sinh năm 1995, trú tại phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Ngày 30/8/2023, do có nhu cầu vay tiền nên anh Trương Trần H2 đã hỏi Nguyễn Ngọc T vay số tiền 20.000.000 đồng, cả hai bên thống nhất mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm của khoản tiền vay. Từ ngày 30/8/2023 đến ngày 07/5/2024, anh H2 đã trả số tiền gốc vay 30.000.000 đồng và số tiền lãi của 252 ngày vay là 25.200.000 cho T. Trong đó số tiền lãi 20%/năm của khoản vay này là 2.761.643 đồng, số tiền mà T thu lợi bất chính là 22.438.357 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Ngọc T đã cho chị Nguyễn Quỳnh A, anh Ngô Trường G, chị Nguyễn Thùy D, anh Nguyễn Văn H1, anh Đặng Quang H3, anh Trương Trần H2 vay là **160.000.000 đồng**; tổng số tiền lãi mà Nguyễn Ngọc T đã thu của 06 người vay trên là 186.340.000 đồng, trong khi tổng lãi suất mà T được hưởng đối với việc cho 06 người vay trên theo quy định của pháp luật dân sự là 17.635.614 đồng. Do đó, tổng số tiền mà Nguyễn Ngọc T đã thu lợi bất chính đối với 06 người vay nêu trên là 168.704.386 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 24/02/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo khoản 2, khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 điều 201; điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52; Điều 35 BLHS; Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước

Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 468 Bộ luật dân sự

Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp lại khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể: chị Nguyễn Quỳnh A số tiền lãi theo quy định là 4.931.507 đồng; anh Ngô Trường G trong 04 lần số tiền lãi theo quy định 6.161.643 đồng; anh Đặng Quang H3 trong 02 lần số tiền lãi theo quy định 328.767 đồng; Nguyễn Thùy D trong 02 lần số tiền lãi theo quy định là 3.287.671 đồng; Nguyễn Văn H1 số tiền lãi theo quy định là 164.383 đồng; Trương Trần H2 số tiền lãi theo quy định là 2.761.643 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp lại khoản tiền gốc mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã trả cho bị cáo T cụ thể như sau: chị Nguyễn Thùy D đã trả cho bị cáo 02 lần là 60.000.000 đồng; anh Đặng Quang H3 đã trả cho bị cáo là 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn H1 đã trả cho bị cáo là 10.000.000 đồng; anh Trương Trần H2 đã trả cho bị cáo là 20.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc Chị Nguyễn Quỳnh A phải nộp lại khoản tiền gốc là 20.000.000 đồng là khoản tiền gốc chị Quỳnh A chưa trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc T để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc anh Ngô Trường G phải nộp lại khoản tiền gốc là 30.000.000 đồng là khoản tiền gốc chị Quỳnh A chưa trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc T để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo T thực tế đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể: Phải trả chị Nguyễn Quỳnh A là 58.068.493đ đồng ; phải trả anh Ngô Trường G là 63.478.357 đồng; còn phải trả cho anh Trương Trần H2 là 7.157.536 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: 01 vỏ phong bì để đựng 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax có lắp sim số thuê bao thu giữ của Nguyễn Ngọc T. Chi tiết như biên bản giao nhận giữa cơ quan công an huyện N và Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nho Quan ngày 24 tháng 02 năm 2025.

-Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được ở nhà chăm sóc cho các em.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Nguyễn Ngọc T là người không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay, cấp tín dụng. Tuy nhiên trong khoảng thời gian từ **tháng 08/2023** cho đến ngày 19/12/2024, trên địa bàn huyện N, Nguyễn Ngọc T đã có hành vi cho 06 người vay gồm chị Nguyễn Quỳnh A, anh Ngô Trường G, chị Nguyễn Thùy D, anh Nguyễn Văn H1, anh Đặng Quang H3 và anh Trương Trần H2 với mức lãi suất từ 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày đến 7.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 255,5%/năm, vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền mà Nguyễn Ngọc T cho 06 người trên vay là **160.000.000 đồng**, đã thu tổng số tiền lãi là 186.340.000 đồng, trong đó số

tiền lãi T được hưởng theo quy định là 17.635.614 đồng, tổng số tiền mà Nguyễn Ngọc T đã thu lợi bất chính từ việc cho vay nêu trên là 168.704.386 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Ngọc T và đối chiếu với nội dung bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Ngọc T đã phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của BLHS.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, đã không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng mà còn làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo lợi dụng hoàn cảnh khó khăn của người dân cần tiền để cho vay với lãi suất cao hơn 146%/năm đến 255,5%/năm, vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1, Điều 468 của Bộ luật Dân sự nhằm thu lợi bất chính.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong những lần cho vay bị cáo đã hai lần cho vay thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng cụ thể chị Nguyễn Quỳnh A thu lợi bất chính số tiền 58.068.493 đồng và anh Ngô Trường G thu lợi bất chính số tiền 63.478.357 đồng nên bị cáo Nguyễn Ngọc T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã bồi thường thiệt hại và khắc phục

một phần hậu quả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án. bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự số tiền 40.000.000 đồng; Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mất sớm, mẹ không ở cùng, bản thân bị cáo còn phải nuôi các em còn nhỏ và bị cáo là lao động chính trong gia đình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bản thân bị cáo có công việc ổn định mỗi tháng thu nhập được khoảng 10.000.000 đồng có xác nhận của nơi làm việc của bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về các biện pháp tư pháp:

Về việc xử lý đối với số tiền gốc và tiền lãi giữa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với số tiền gốc bị cáo cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã trả cho bị cáo Tổng số tiền gốc là 110.000.000 đồng số tiền trên là công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước; Cụ thể: Chị Nguyễn Thùy D đã trả cho bị cáo 02 lần là 60.000.000 đồng; anh Đặng Quang H3 đã trả cho bị cáo là 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn H1 đã trả cho bị cáo là 10.000.000 đồng; anh Trương Trần H2 đã trả cho bị cáo là 20.000.000 đồng

Đối với số tiền gốc bị cáo T đã cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vay chưa trả cần buộc chị Nguyễn Quỳnh A phải nộp lại khoản tiền gốc là 20.000.000 đồng ; Buộc anh Ngô Trường G phải nộp lại khoản tiền gốc là 30.000.000đ để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với 20%/năm là tiền phát sinh từ tội phạm mà có nên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước; Do đó, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp lại khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tổng số tiền 17.635.614 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. cụ thể: chị Nguyễn Quỳnh A số tiền lãi theo quy định là 4.931.507 đồng; anh Ngô

Trương G trong 04 lần số tiền lãi theo quy định 6.161.643 đồng; anh Đặng Quang H3 trong 02 lần số tiền lãi theo quy định 328.767 đồng; Nguyễn Thùy D trong 02 lần số tiền lãi theo quy định là 3.287.671 đồng; Nguyễn Văn H1 số tiền lãi theo quy định là 164.383 đồng; Trương Trần H2 số tiền lãi theo quy định là 2.761.643 đồng

Đối với khoản tiền lãi trên 20%/ năm cần trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vì theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 mức lãi suất vượt quá giới hạn quy định không có hiệu lực, quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nên buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo T thực tế đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tổng số tiền là 168.704.386 đồng cụ thể: Phải trả chị Nguyễn Quỳnh A là 58.068.493đồng ; phải trả anh Ngô Trường G là 63.478.357 đồng; phải trả chị Nguyễn Thùy D là 20.712.329 đồng; phải trả anh Đặng Q H3 là 2.671.233 đồng; phải trả cho anh Nguyễn Văn H1 là 1.335.617 đồng; phải trả cho anh Trương Trần H2 là 22.438.357 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã nộp số tiền 40.000.000đồng vào cơ quan thi hành án dân sự huyện N để bồi thường thiệt hại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Cụ thể bồi thường cho chị Nguyễn Thùy D là 20.712.329 đồng; anh Đặng Quang H3 là 2.671.233 đồng; cho anh Nguyễn Văn H1 là 1.335.617 đồng; số tiền 15.280.821đồng trả cho anh Trương Trần H2. Số tiền còn lại bị cáo T còn phải trả lại cho anh Trương Trần H2 là 7.1567.536 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc T, quá trình điều tra xác định đây là điện thoại bị cáo sử dụng để chuyển khoản tiền vay với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đây là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung và ngân sách Nhà nước.

[6]. Về án phí: bị cáo là hộ nghèo nên Bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Điều 46, Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2.Về biện pháp tư pháp:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền **40.000.000**đồng là số tiền lãi trên 20%/ năm cho chị Nguyễn Thùy D là 20.712.329 đồng; anh Đặng Quang H3 là 2.671.233 đồng; anh Nguyễn Văn H1 là 1.335.617 đồng anh Trương Trần H2 là 15.280.821 đồng.(Theo 02 Biên lai thu tiền tạm ứng số 0001598 ngày 18/3/2025 và biên lai số 0001599 ngày 19/3/202 tại cơ quan thi hành án dân sự huyện N)

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp lại khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tổng số tiền là **17.635.614** đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Chị Nguyễn Quỳnh A số tiền lãi theo quy định là 4.931.507 đồng; anh Ngô Trường G trong 04 lần số tiền lãi theo quy định 6.161.643 đồng; anh Đặng Quang H3 trong 02 lần số tiền lãi theo quy định 328.767 đồng; Nguyễn Thùy D trong 02 lần số tiền lãi theo quy định là 3.287.671 đồng; Nguyễn Văn H1 số tiền lãi theo quy định là 164.383 đồng; Trương Trần H2 số tiền lãi theo quy định là 2.761.643 đồng

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp lại khoản tiền gốc mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã trả cho bị cáo T Tổng số tiền là **110.000.000** đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: chị Nguyễn Thùy D đã trả cho bị cáo 02 lần là 60.000.000 đồng; anh Đặng Quang H3 đã trả cho bị cáo là 20.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn H1 đã trả cho bị cáo là 10.000.000 đồng; anh Trương Trần H2 đã trả cho bị cáo là 20.000.000 đồng Buộc Chị Nguyễn Quỳnh A chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo Nguyễn Văn T2 phải nộp lại khoản tiền gốc là 20.000.000 đồng; Buộc anh Ngô Trường G chưa trả khoản tiền gốc cho bị cáo Nguyễn Văn T2 phải nộp lại khoản tiền gốc là 30.000.000đ để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khoản tiền thu lợi bất chính mà bị cáo T thực tế đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tổng số tiền là **128.704.386** đồng. Cụ thể: Phải trả chị Nguyễn Quỳnh A là 58.068.493đ đồng; Phải trả anh Ngô

Trường G là 63.478.357 đồng; Phải trả cho anh Trương Trần H2 số tiền còn lại là 7.157.536 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: 01 vỏ phong bì để đựng 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax, lắp sim số thuê bao thu giữ của Nguyễn Ngọc T. (Chi tiết như biên bản giao nhận giữa cơ quan công an huyện N và Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nho Quan ngày 24 tháng 02 năm 2025)

4. Về án phí; bị cáo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Nho Quan;
- Công an;
- Chi cục THA.DS huyện Nho Quan;
- Thi hành án HS;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu (Hồ sơ, VP);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lâm Thị Thanh N

